

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2018/KDTM-ST

Ngày: 08-8-2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Châm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn

Ông Vũ Xuân Miện

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hà – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 47/2017/KDTMST ngày 02/10/ 2017, về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HPT ngày 14 tháng 6 năm 2018; Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 17/2018/QĐXXST-KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại TBV

Địa chỉ: số đường N, phường M, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê XC - Tổng Giám đốc (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ QH và ông Huỳnh TT (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ĐTP

Địa chỉ: số đường B, phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm VT - Giám đốc (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn VN và bà Nguyễn TT (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2017, quá trình tố tụng tại Tòa, phía nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/7/2017 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại TBV (gọi tắt là TBV) và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ĐTP (gọi tắt là ĐTP) ký hợp đồng mua bán số 001/2017 với nội dung TBV mua thép tấm cán nóng dày từ 4mm -12mm, mác thép GradeA của ĐTP, giá trị hợp đồng là 8.258.587.120 đồng.

Theo hợp đồng, thời gian giao hàng là ngay khi bên bán nhận được Thư bảo lãnh thanh toán của bên mua. Ngày 07/7/2017, theo đề nghị của TBV, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Sở giao dịch 2, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh đã phát hành Thư bảo lãnh thanh toán với số tiền 8.258.587.120 đồng. Ngày 10/7/2017 TBV sử dụng dịch vụ hỏa tốc của Công ty TNHH KE Việt Nam chuyển Thư bảo lãnh thanh toán cho ĐTP nhưng đã không giao được cho ĐTP. Vào các ngày 12 và 13 tháng 7 năm 2017 TBV đã gửi Thông báo nhận hàng nhưng ĐTP vẫn không thực hiện nghĩa vụ giao hàng.

Để có hàng hóa giao cho khách hàng TBV đã phải mua của các đơn vị khác với giá cao hơn do đó đã gây ra thiệt hại cho TBV. Do ĐTP không có thiện chí giải quyết tổn thất cho TBV nên TBV yêu cầu Tòa án buộc ĐTP phải có nghĩa vụ trả cho TBV tổng số tiền 2.418.685.719 đồng trong đó:

- Trả 600.624.518 đồng tương ứng phạt 8% giá trị hợp đồng chưa VAT do vi phạm nghĩa vụ giao hàng theo quy định tại Điều 2.2 khoản 2 của Hợp đồng.
- Bồi thường số tiền 1.818.061.201 đồng, tương ứng giá trị hàng hóa TBV đã phải mua của đơn vị khác để thực hiện hợp đồng với khách hàng.

Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải và quá trình tố tụng tại Tòa, phía bị đơn trình bày:

Ngày 05/7/2017 ĐTP và TBV thống nhất ký kết hợp đồng mua bán số 001/2017 ngày 05/7/2017. Hợp đồng và Bảng danh mục hàng hóa và giá trị hợp đồng đính kèm có chữ ký của ông Phạm VT-Giám đốc ĐTP và ông Lê MĐ-Giám đốc TBV và đóng dấu cả hai công ty. Đây là bản hợp đồng chính thức cho hai bên thực hiện. ĐTP đã được bà D nhân viên của TBV scan hợp đồng vào lúc 13h43 phút ngày 06/7/2017. Cùng ngày 06/7/2017 TBV gửi bản hợp đồng khác qua email nhờ ĐTP ký lại để làm thủ tục mở Thư bảo lãnh tại ngân hàng, hợp đồng này TBV không gửi bản scan cho ĐTP mà dùng để nộp khởi kiện tại Tòa án. Cả hai hợp đồng đều được ông T ký, đóng dấu trước và gửi xe trung chuyển lên cho TBV ký, đóng dấu sau, ĐTP không có bản gốc nào của cả 2 hợp đồng để nộp cho Tòa.

Bản hợp đồng ký sau khác về hình thức trình bày, về điều kiện nhận hàng, về thẩm quyền giải quyết khi xảy ra tranh chấp cũng như đại diện ký kết hợp đồng của TBV hợp đồng đầu là ông Lê MĐ, hợp đồng sau là ông Lê XC. ĐTP không thừa nhận tính hợp pháp của hợp đồng do ông Lê XC ký sau vì đây không phải là thỏa thuận chính thức của hai công ty.

Ngày 07/7/2017, TBV yêu cầu ĐTP ký phụ lục hợp đồng giảm giá bán thép từ 11.200đ/1 kg xuống 10.600đ/1kg, tổng giá trị của hợp đồng bị giảm từ 8.258.587.120 đồng xuống còn 7.816.162.810 đồng. ĐTP không đồng ý với đề xuất này. Đồng thời, phía TBV gửi bản scan của Thư bảo lãnh thanh toán cho ĐTP, nội dung Thư bảo lãnh yêu cầu phải chứng minh được chủ đầu tư vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, thời hạn thư bảo lãnh chỉ có hiệu lực đến ngày 14/7/2017 trong khi theo hợp đồng thỏa thuận “Bên mua phát hành bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang”. Lỗi dẫn tới việc không thực hiện Hợp đồng đã ký kết hoàn toàn thuộc về TBV vì đã vi phạm hợp đồng, tự ý phá giá, phát hành thư bảo lãnh không đúng thỏa thuận. ĐTP không phải là người vi phạm hợp đồng do đó ĐTP không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của TBV.

Tại phiên tòa:

Ông Lê XC phát biểu ý kiến: Do tin tưởng ĐTP nên trước khi ký hợp đồng phía TBV không xuống kiểm tra hàng, hai bên thỏa thuận hàng là thép của Nhật. Ngày 12/7/2017 TBV cho người xuống kiểm tra hàng thì thấy hàng xuất xứ Trung Quốc nhưng đóng dấu “Made in Japan” nên ngày 13/7/2017 TBV có văn bản đề nghị ĐTP phải giảm giá đơn hàng xuống để tránh gây thiệt hại cho TBV.

TBV đã gửi bản chính Thư bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam tới trụ sở ĐTP nhưng ĐTP đã từ chối không nhận, đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng dẫn tới thiệt hại 1.818.061.210 đồng cho TBV vì phải mua hàng của các công ty khác giao cho đối tác nhằm đảm bảo uy tín của TBV.

Vì ĐTP không có thiện chí nên TBV vẫn giữ nguyên yêu cầu ĐTP phải bồi thường tổng số tiền 2.418.685.728đ, trong đó tiền phạt 8% do vi phạm nghĩa vụ giao hàng là 600.624.518 đồng và tiền bồi thường thiệt hại là 1.818.061.210 đồng.

Ý kiến của ông Phạm VT: Khi thỏa thuận mua bán và hợp đồng hai bên chỉ thỏa thuận về thông số thép là GrA. Trước khi ký hợp đồng ông Lê MĐ là Giám đốc của TBV đã trực tiếp xuống kiểm tra hàng tại kho, sau khi thống nhất về chất lượng, giá cả hai bên mới ký kết hợp đồng số 001/2017 ngày 05/7/2017. Ngày 06/7/2017 theo đề nghị của TBV, ĐTP ký lại hợp đồng cùng số, cùng ngày để TBV làm thủ tục mở bảo lãnh tại ngân hàng, đây không phải là hợp đồng chính thức giữa hai bên.

Ngày 07/7/2017 TBV gửi phụ lục hợp đồng qua email yêu cầu ĐTP giảm giá đơn hàng nhưng ĐTP không đồng ý. Ngày 07/7/2017, TBV đã phát hành thư bảo lãnh nhưng đến ngày 10/7/2017 mới đề nghị Công ty vận chuyển chuyển xuống cho ĐTP vì thực tế hai bên vẫn đang thương lượng lại giá. Trước đó ĐTP đã trả lời với TBV sẽ không đồng ý nhận thư bảo lãnh này vì theo hợp đồng chính thức giữa ông Tú và ông Đức thì thư bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện trong khi bản scan thư bảo lãnh thanh toán của Thép Bắc Việt gửi xuống lại có điều kiện là ĐTP phải có “tài liệu chứng minh chủ đầu tư vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng”, ngoài ra thư bảo lãnh chỉ có giá trị đến hết ngày 14/7/2017 trong khi theo hợp đồng thì thời điểm thanh toán là 5 ngày sau khi giao hàng. ĐTP không đồng ý với việc giảm giá đơn hàng, chưa thống nhất được về thời điểm giao hàng nên thư bảo lãnh với thời hạn ngắn như vậy nếu có nhận thì gần như cũng không còn giá trị thanh toán.

Khoản 5 hợp đồng quy định trước khi giao hàng là khi bên mua gửi cho bên bán thông báo nhận hàng. Ngày 12 và ngày 13/7/2017 TBV mới có thông báo nhận hàng và trong đó có nội dung yêu cầu phía ĐTP ký lại phụ lục hợp đồng theo hướng giảm 1kg thép từ 11.200đ xuống còn 10.600đ. Điều đó chứng tỏ ĐTP không vi phạm hợp đồng vì hai bên vẫn đang trong quá trình thương lượng, đàm phán lại hợp đồng. Do đó, việc TBV yêu cầu phạt hợp đồng và yêu cầu bồi thường hợp đồng là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của TBV.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, về cơ bản Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử, cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Xét về hợp đồng: Hợp đồng mua bán do ông Lê XC và ông Phạm VT được ký sau cùng, đủ cơ sở để thấy hợp đồng này đã được sửa đổi theo ý chí của hai bên. Căn cứ vào khoản 4 Điều 400, Điều 401 Bộ luật dân sự 2015 thì hợp đồng này có giá trị pháp lý, là căn cứ để giải quyết vụ án.

+ Xét yêu cầu về số tiền phạt vi phạm 600.624.518 đồng: Hợp đồng quy định nếu bên mua phát hành bảo lãnh mà bên bán không giao hàng hóa thì bị phạt 8% giá trị hợp đồng. Trong trường hợp này dù hai bên đang đàm phán lại giá trị hợp đồng nhưng do hai bên đã ký hợp đồng nên hợp đồng có hiệu lực theo quy định tại Khoản 1 Điều 421 Bộ luật Dân sự, trong hợp đồng không thỏa thuận về việc phải ký lại phụ lục hợp đồng mới tiến hành giao hàng nên ĐTP vẫn phải có nghĩa vụ giao hàng khi TBV thực hiện xong nghĩa vụ phát chứng thư bảo lãnh và thông báo nhận hàng. Căn cứ quy định tại Điều 300, 301, 302 Luật thương mại 2005 thì cần chấp nhận yêu cầu này của công ty Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại TBV.

+ Xét yêu cầu về số tiền bồi thường thiệt hại 1.818.061.201 đồng:

TBV cung cấp Hợp đồng mua bán số 100717/BV-NH ngày 10/7/2017 giữa TBV và Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thép NH (gọi tắt là Thép NH). Tuy nhiên, ngày 25/7/2017 TBV và Thép NH đã ký phụ lục hợp đồng, hai bên thỏa thuận lại về hàng hóa mua bán thay thế bằng 2 loại thép tấm đóng tàu khác (về kích thước, về số lượng) so với hợp đồng ký ban đầu. Như vậy, có thể thấy việc vi phạm hợp đồng ĐTP không gây thiệt hại thực tế cho TBV. Căn cứ Điều 302, 303 Luật thương mại 2005- Điều 302, 303 Luật thương mại 2017, cần bác yêu cầu này TBV.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: TBV khởi kiện liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn là ĐTP có trụ sở tại thành phố Vũng Tàu. Mặc dù, trong hợp đồng các bên thỏa thuận tranh chấp được giải quyết tại Trọng tài hoặc Tòa kinh tế thành phố Hồ Chí Minh nhưng căn cứ vào quy định tại Điều 30; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Về áp dụng pháp luật: Tranh chấp giữa TBV và ĐTP xảy ra vào năm 2017, là thời điểm Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Thương mại 2005 và Văn bản hợp nhất Luật Thương mại số 03/VBHN-VPQH đang có hiệu lực nên Hội đồng xét xử áp dụng các văn bản trên để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét về chứng cứ:

Ngày 01/8/2018 TBV nộp thêm chứng cứ là “Biên bản xác nhận” và bản ghi âm cuộc nói chuyện của Công ty TNHH Kerry Express với ông Phạm VT để chứng minh ĐTP cố tình không nhận Thư bảo lãnh thanh toán. Tại phiên tòa, phía TBV thừa nhận nội dung của đoạn băng ghi âm mới được Công ty TNHH KE thực hiện ngày 19/7/2018. Tuy nhiên, ông Phạm VT thừa nhận về việc tại thời điểm từ ngày 07/7/2017 đến ngày 13/7/2017 ông Tú đã từ chối nhận thư bảo lãnh thanh toán vì không chấp nhận việc

giảm giá đơn hàng cũng như không chấp nhận một số điều kiện trong thư bảo lãnh thanh toán.

Hai bên thừa nhận có nội dung các email từ địa chỉ D.....@yahoo.com; Pham C (.....gmail.com) từ ngày 07 tháng 7 đến ngày 13 tháng 7 với nội dung thương lượng lại giá mua hàng. Căn cứ Điều 15 Luật Thương mại; Các Điều 92; Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định nội dung các email do TBV và ĐTP cung cấp là chứng cứ của vụ án.

TBV cung cấp Hợp đồng bán số 100717/BV-NH ngày 10/7/2017 giữa TBV và Thép NH; Hợp đồng mua bán số 170701 TAS-BV/GR.A ngày 11/7/2017 với Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu thép T; Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 11/9/2017; Phiếu bán hàng ngày 19/7/2017 của TK LTD; Hóa đơn thương mại số SG 1219-01-1 ngày 30/9/2017; Bản gốc thứ 2 vận đơn. Phía ĐTP không có ý kiến phản đối các tài liệu này. Căn cứ quy định tại Điều 92; Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là chứng cứ của vụ án.

TBV cung cấp Hợp đồng mua bán số 001/2017 đề ngày 05/7/2017 có chữ ký của ông Phạm VT và ông Lê XC. ĐTP không thừa nhận hợp đồng này mà chỉ thừa nhận Hợp đồng mua bán số 001/2017 đề ngày 05/7/2017 có chữ ký của ông Phạm VT và ông Lê MD.

[2.2]. Xét về Hợp đồng mua bán hàng hóa số 001/2017 ngày 05/7/2017 giữa TBV và ĐTP:

ĐTP và TBV cùng xác nhận 2 bên ký 02 hợp đồng cùng đề ngày 05/7/2017 trong đó hợp đồng do ông Lê XC ký với ông Phạm VT được lập sau. Theo quy định tại khoản 2 Điều 401; Điều 421 Bộ luật Dân sự thì hợp đồng có thể sửa đổi hoặc hủy bỏ theo sự thỏa thuận của các bên. Do đó, có đủ căn cứ cho rằng hợp đồng có chữ ký của ông Lê XC và ông Phạm VT là sự thể hiện ý chí rõ rệt về sự thỏa thuận lại của cả 2 công ty nên việc ĐTP không thừa nhận hợp đồng được ký kết sau là không có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn:

[3.1]. Xét về yêu cầu phạt hợp đồng 8% với số tiền 600.624.518 đồng:

Ngày 05/7/2017 TBV và ĐTP ký hợp đồng, tại mục 2.5 Điều 2 của hợp đồng quy định “Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày đại diện có thẩm quyền của hai bên ký”. Tại phiên tòa, phía TBV cho rằng ngày 12/7/2017 khi cho người xuống kiểm tra hàng và phát hiện hàng không đúng xuất xứ của Nhật nên ngày 13/7/2017 có Thông báo số 02-130717 với nội dung yêu cầu ĐTP giao hàng và ký phụ lục hợp đồng số 01-07012017/ĐTP-BV điều chỉnh giảm giá cho toàn bộ lô hàng theo đơn giá mới từ 11.200đ/kg xuống còn 10.600đ/kg. Trong quá trình tranh tụng, TBV thừa nhận ngày 07/7/2017 có gửi “Phụ lục hợp đồng” từ địa chỉ email D.....@yahoo.com đề nghị ĐTP giảm giá đơn hàng. Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định phần trình bày của phía ĐTP về việc TBV đã kiểm tra hàng trước rồi mới ký hợp đồng là sự thật. Như vậy, khi hợp đồng đã có hiệu lực, TBV tự đề nghị giảm giá của toàn bộ lô hàng là TBV đã vi phạm thỏa thuận về giá trong hợp đồng đã ký.

Việc TBV đưa ra đề nghị giảm giá đơn hàng theo Phụ lục hợp đồng là sự thỏa thuận lại để chỉnh sửa hợp đồng theo quy định tại Điều 389; Điều 421 Bộ luật Dân sự. Theo quy định tại Điều 403 Bộ luật Dân sự thì “Phụ lục hợp đồng có hiệu lực như hợp đồng”. TBV đưa ra đề xuất mới chỉnh sửa lại đơn giá là điều khoản cơ bản, ảnh hưởng

trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng ký kết ngày 05/7/2017, phía ĐTP chưa đồng ý giảm giá nên không đồng ý nhận Thư bảo lãnh thanh toán và không giao hàng là không vi phạm quy định tại Điều 11 Luật thương mại về nguyên tắc tự do, tự nguyện thỏa thuận trong hoạt động thương mại. Về mặt thực tế hợp đồng đang trong quá trình thương lượng, sửa đổi, phía ĐTP chưa đồng ý với đơn giá mới nên chưa phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Vì vậy, TBV yêu cầu phạt ĐTP về việc vi phạm hợp đồng 8% tương ứng với số tiền 600.624.518 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

[3.2]. Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại 1.818.061.210 đồng:

Ngày 05/7/2017 TBV ký hợp đồng với ĐTP để mua mặt hàng thép tấm chủng loại 4mm (20 tấm); 5mm (40 tấm); 6mm (500 tấm); 7mm (227 tấm); 8mm (456 tấm); 10mm (168 tấm); 12mm (20 tấm) với cùng kích thước dài 6m; rộng 1,5m giá tiền của tổng số lượng hàng hóa trên là 8.258.587.120 đồng.

Theo hợp đồng thì bên bán phải giao hàng sau khi nhận thư bảo lãnh; trước khi nhận hàng bên mua gửi cho bên bán thông báo nhận hàng. Ngày 11/7/2017 Thư bảo lãnh được chuyển xuống cho ĐTP (ngày 14/7/2017 Công ty TNHH KE mới hoàn trả bưu phẩm là Thư bảo lãnh thanh toán cho TBV), ngày 12/7/2017 và 13/7/2017 TBV có Thông báo nhận hàng gửi ĐTP. Do đó, việc TBV lấy hợp đồng và Hóa đơn giá trị gia tăng với giá trị đơn hàng 2.325.043.903 đồng mua hàng của Công ty TNHH Thương mại xuất nhập khẩu thép T ngày 11/7/2017 để yêu cầu ĐTP bồi thường thiệt hại là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại với hợp đồng của Thép NH:

Ngày 10/7/2017, TBV ký Hợp đồng mua bán số 100717/BV-NH bán cho Thép NH số lượng, kích thước thép như đã thỏa thuận mua của ĐTP với giá trị của đơn hàng là 10.015.940.400 đồng. Ngày 25/7/2017 TBV và Thép NH đã ký phụ lục hợp đồng số 01 thống nhất điều chỉnh quy cách, đơn giá của hàng hóa, thay thế quy cách thép thành 6 x 2000 x 6000mm (708 tấm); 8 x 2000 x 6000mm (226 tấm) với giá 7.815.924.720đ.

Tại phiên tòa, TBV thừa nhận không bị Thép NH yêu cầu bồi thường khi điều chỉnh lại mặt hàng theo phụ lục hợp đồng, việc mua thép 6 x 2000 x 6000; 8 x 2000 x 6000 của TK LTD ngoài việc phục vụ cho đơn hàng đối với Thép Nam Hải còn để cung cấp cho các đối tác khác. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định chưa có thiệt hại thực tế xảy ra đối với TBV theo quy định tại khoản 2 Điều 303 Luật Thương mại 2005 nên yêu cầu ĐTP phải bồi thường thiệt hại với số tiền 1.818.061.210 đồng của TBV là không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận toàn bộ nên Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại TBV phải chịu toàn bộ án phí: 80.373.714đ (Tám mươi triệu, ba trăm bảy mươi ba ngàn, bảy trăm mười bốn đồng) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị Quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiền án phí này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại TBV đã nộp 28.644.000đ (Hai mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai số 0009163 ngày 28/9/2017 và 11.536.000đ (Mười một triệu, năm trăm ba mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai số 0000317 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại TBV còn phải nộp 40.193.714đ (Bốn mươi triệu, một trăm chín mươi ba ngàn, bảy trăm mười bốn đồng) án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 40, Điều 92; Điều 95, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 11; Điều 15; Điều 303 Luật Thương mại và Văn bản hợp nhất Luật Thương mại số 03/VBHN-VPQH; khoản 2 Điều 389; Điều 401; Điều 421 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại TBV đối với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ĐTP về việc đòi bồi thường 2.418.685.728đ (Hai tỷ, bốn trăm mười tám triệu, sáu trăm tám mươi lăm ngàn, bảy trăm hai mươi tám đồng) trong đó tiền phạt 8% do vi phạm nghĩa vụ giao hàng là 600.624.518đ (Sáu trăm triệu, sáu trăm hai mươi bốn ngàn, năm trăm mười tám đồng) và bồi thường thiệt hại với số tiền 1.818.061.201đ (Một tỷ, tám trăm mười tám triệu, không trăm sáu mươi một ngàn, hai trăm lẻ một đồng).

[2]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại TBV phải chịu 80.373.714đ (Tám mươi triệu, ba trăm bảy mươi ba ngàn, bảy trăm mười bốn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp: 28.644.000đ (Hai mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) theo biên lai số 0009163 ngày 28/9/2017 và 11.536.000đ (Mười một triệu, năm trăm ba mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai số 0000317 ngày 18/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại TBV còn phải nộp 40.193.714đ (Bốn mươi triệu, một trăm chín mươi ba ngàn, bảy trăm mười bốn đồng) án phí.

[3]. Quyền kháng cáo: Đương sự được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A, 7B và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự Tp.Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đinh Thị Châm